

Số: 237 /QB-UBND

Bình Dương, ngày 22 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức
Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/12/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020 tại Biên bản số 02/BB-HĐ ngày 13/01/2021 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 49/TTr-SNV ngày 19/01/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả xét tuyển viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020 đối với 82 thí sinh; số thí sinh đạt kết quả trúng tuyển là 56 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ thông báo kết quả xét tuyển viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020; phối hợp với Trường Đại học Thủ Dầu Một thực hiện thủ tục tuyển dụng viên chức cho các thí sinh trúng tuyển kể từ ngày 01/02/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thành viên Hội đồng xét tuyển viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020, Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP (Lượng,Huy), Dg, Lh, TH;
- Lưu: VT.



Nguyễn Hoàng Thao

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh)

S T T	S B D	Họ Tên		Năm sinh		Trình độ đào tạo	Chuyên môn nghiệp vụ		Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (ĐPV+ ĐUT)	Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Chuyên môn được đào tạo	Trường đào tạo									
1	001	Nguyễn Hải Vinh	Cường	1991		ThS	Khoa học máy tính	Đại học Bách Khoa Tp.HCM		Chương trình Công nghệ thông tin	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	80		80	Trúng tuyển	
2	002	Nguyễn Kim	Duy	1983		ThS	Công nghệ thông tin	Đại học Công nghệ thông tin Tp.HCM		Chương trình Công nghệ thông tin	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	80		80	Trúng tuyển	
3	003	Lê Từ Minh	Trí	1988		ThS	Công nghệ thông tin	Đại học Công nghệ thông tin Tp.HCM		Chương trình Công nghệ thông tin	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	80		80	Trúng tuyển	
4	006	Lê Quốc	Cường	1983		TS	Cơ Kỹ thuật	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM		Chương trình Kỹ thuật Cơ điện tử và ô tô	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	85		85	Trúng tuyển	
5	004	Huỳnh Minh	Phú	1984		ThS	Công nghệ chế tạo máy	ĐH Bách Khoa TP.HCM		Chương trình Kỹ thuật Cơ điện tử và ô tô	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	80		80	Trúng tuyển	
6	005	Phạm Việt	Hưng	1994		ThS	Kỹ thuật Cơ khí động lực	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM		Chương trình Kỹ thuật Cơ điện tử và ô tô	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	75		75	Trúng tuyển	
7	007	Hồ Duy	Khánh	1982		ThS	Kỹ thuật ô tô, máy kéo	Đại học Bách Khoa Tp.HCM		Chương trình Kỹ thuật Cơ điện tử và ô tô	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	75		75	Trúng tuyển	
8	008	Nguyễn Phan Thanh	Xuân	1980		ThS	Cơ khí chế tạo máy	Đại học Bách Khoa Tp.HCM		Chương trình Kỹ thuật Cơ điện tử và ô tô	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	45		45	Không	
9	009	Đoàn Công	Anh	1984		ThS	Kỹ thuật (Kỹ thuật Cơ điện tử)	Đại học Bách Khoa Tp.HCM		Chương trình Kỹ thuật Cơ điện tử và ô tô	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	0,00		0,00	Không	Vắng
10	011	Trịnh Quốc	Thanh	1994		ThS	Kỹ thuật điện tử	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM		Chương trình Kỹ thuật điện - điện tử	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	80,00		80,00	Trúng tuyển	
11	010	Thân Đức	Trường	1990		ThS	Kỹ thuật điện tử	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM		Chương trình Kỹ thuật điện - điện tử	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	75,00		75,00	Trúng tuyển	
12	012	Nguyễn Văn	Bình	1989		ThS	Kỹ thuật điện tử	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM		Chương trình Kỹ thuật điện - điện tử	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	70,00		70,00	Trúng tuyển	
13	013	Võ Văn	Ấn	1988		ThS	Kỹ thuật viễn thông	Đại học Giao thông vận tải		Chương trình Kỹ thuật điện - điện tử	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	45,00		45,00	Không	
14	016	Hồ Đắc	Hưng	1991		ThS	Hệ thống thông tin	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông		Chương trình Trí tuệ nhân tạo và hệ thống thông tin	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	80,00		80,00	Trúng tuyển	
15	015	Nguyễn Lê Hiền	Duyên	1990		ThS	Tính toán kỹ thuật và mô phỏng trên máy tính	Đại học Việt - Đức		Chương trình Trí tuệ nhân tạo và hệ thống thông tin	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	75,00		75,00	Trúng tuyển	
16	014	Đặng Như	Phú	1982		ThS	Hệ thống thông tin	Đại học Thủ Dầu Một		Chương trình Trí tuệ nhân tạo và hệ thống thông tin	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	0,00		0,00	Không	Vắng
17	017	Huỳnh Thân	Phúc	1988		ThS	Tính toán kỹ thuật và mô phỏng trên máy tính	Đại học Việt - Đức		Nghiên cứu viên	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	Giảng viên	80,00		80,00	Trúng tuyển	
18	026	Bùi Thị Kim	Lý		1985	TS	Khoa học gen y học	Đại học Tokyo, Nhật Bản		Chương trình Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	90,00		90,00	Trúng tuyển	



S T T	S B D	Họ Tên		Năm sinh		Trình độ đào tạo	Chuyên môn nghiệp vụ		Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (ĐPV+ ĐUT)	Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Chuyên môn được đào tạo	Trường đào tạo									
19	027	Hoàng Thành	Chí	1985		TS	Khoa học gen y học	Đại học Tokyo, Nhật Bản		Chương trình Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	90,00		90,00	Trúng tuyển	
20	025	Trương Nguyễn Phương	Vi		1990	ThS	Kỹ thuật môi trường	Đại học Quốc gia Kangju, Hàn Quốc		Chương trình Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	90,00		90,00	Trúng tuyển	
21	028	Quang Thị Ngọc	Anh		1988	ThS	Công nghệ vật liệu Polymer (Công nghệ Vật liệu cao phân tử và tổ hợp)	Đại học Bách Khoa Tp.HCM		Chương trình Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	78,00		78,00	Trúng tuyển	
22	029	Lưu Thị	Hiệp		1990	TS	Toán giải tích	Đại học Quy Nhơn		Chương trình Toán	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	94,30		94,30	Trúng tuyển	
23	032	Ngô Hùng	Vương	1986		ThS	Toán ứng dụng	Đại học Tổng hợp quốc gia Tula (Liên Ban)		Chương trình Toán	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	65,30		65,30	Trúng tuyển	
24	031	Trương Nguyễn Trùng	Dương	1988		ThS	Toán Giải tích và Ứng dụng	Đại học Tours Francois Rabelais, Pháp		Chương trình Toán	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	60,30		60,30	Không	
25	030	Nguyễn Văn	Buôi	1991		ThS	Toán giải tích	Đại học Khoa học Tự nhiên		Chương trình Toán	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	57,00		57,00	Không	
26	033	Trần Thị Yến	Nhi		1993	ThS	Công nghệ thực phẩm	Đại học Ghent (Vương Quốc Bỉ)		Chương trình Công nghệ thực phẩm	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	95,00		95,00	Trúng tuyển	
27	035	Trần Đình	Mạnh	1987		ThS	Công nghệ thực phẩm	Đại học Nông Lâm Tp.HCM		Chương trình Công nghệ thực phẩm	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	92,30		92,30	Trúng tuyển	
28	034	Võ Viết	Phi	1978		ThS	Khoa học & Công nghệ thực phẩm	Đại học Bách Khoa Tp.HCM		Chương trình Công nghệ thực phẩm	Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên	47,30		47,30	Không	
29	018	Đinh Quang	Đức	1982		ThS	Kiến trúc	Đại học Deakin, Úc		Chương trình Kiến trúc	Khoa Kiến trúc	Giảng viên	82,00		82,00	Trúng tuyển	
30	019	Lê Mậu Duy	Quang	1979		ThS	Kiến trúc	Đại học Kiến trúc Tp.HCM		Chương trình Kiến trúc	Khoa Kiến trúc	Giảng viên	82,00		82,00	Trúng tuyển	
31	020	Cù Thị Ánh	Tuyết		1989	ThS	Quy hoạch vùng và đô thị	Đại học Kiến trúc Tp.HCM		Chương trình Quản lý đô thị	Khoa Kiến trúc	Giảng viên	84,00		84,00	Trúng tuyển	
32	037	Võ Hoàng Ngọc	Thủy		1993	ThS	Truyền thông tiếp thị	Đại học miền Tây nước Anh Bristol		Chương trình Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế	Giảng viên	95,50		95,50	Trúng tuyển	
33	042	Phạm Minh	Quyên		1987	ThS	Quản trị kinh doanh	Đại học Việt - Đức		Chương trình Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế	Giảng viên	91,50		91,50	Trúng tuyển	
34	036	Nguyễn Thanh	An	1980		ThS	Quản trị kinh doanh	Đại học kinh tế Tp.HCM		Chương trình Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế	Giảng viên	90,00		90,00	Trúng tuyển	
35	044	Trần Thụy	Vũ	1987		ThS	Quản trị kinh doanh	Đại học Việt - Đức		Chương trình Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế	Giảng viên	90,00		90,00	Trúng tuyển	
36	041	Ngô Linh	Ly	1986		ThS	Quản trị kinh doanh	Đại học kinh tế Tp.HCM		Chương trình Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế	Giảng viên	88,5		88,50	Không	
37	038	Phạm Huy	Thông	1988		ThS	Quản trị kinh doanh	Đại học Thủ Dầu Một		Chương trình Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế	Giảng viên	62,50		62,50	Không	
38	040	Trần Minh	Duy	1986		ThS	Quản trị kinh doanh	Đại học kinh tế Tp.HCM		Chương trình Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế	Giảng viên	60,50		60,50	Không	
39	039	Hồ Thị	Hòa		1983	ThS	Quản trị kinh doanh	Học viện hàng không Việt Nam		Chương trình Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế	Giảng viên	0,00		0,00	Không	vắng
40	043	Lê Hoài	Việt	1989		ThS	Quản trị kinh doanh	Đại học Khoa học và Công nghệ Miền Nam Đài Loan		Chương trình Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế	Giảng viên	0,00		0,00	Không	vắng

S T T	S B D	Họ Tên		Năm sinh		Trình độ đào tạo	Chuyên môn nghiệp vụ		Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (ĐPV+ ĐUT)	Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Chuyên môn được đào tạo	Trường đào tạo									
41	046	Nguyễn Hoàng	Chung	1990		TS	Tài chính - Ngân hàng	Đại học Ngân hàng Tp.HCM		Chương trình Tài chính - Ngân hàng	Khoa Kinh tế	Giảng viên	100		100	Trúng tuyển	
42	045	Trịnh Thị Bích	Ngọc		1991	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Đại học Ngân hàng Tp.HCM		Chương trình Tài chính - Ngân hàng	Khoa Kinh tế	Giảng viên	93,50		93,50	Trúng tuyển	
43	047	Huỳnh Thị Thanh	Trúc		1979	ThS	Quản trị kinh doanh	Đại học Giao thông vận tải Tp. HCM		Chương trình Tài chính - Ngân hàng	Khoa Kinh tế	Giảng viên	85,00		85,00	Trúng tuyển	
44	053	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt		1981	ThS	Kế toán	Đại học kinh tế Tp.HCM		Chương trình Kế toán	Khoa Kinh tế	Giảng viên	96,00		96,00	Trúng tuyển	
45	048	Nguyễn Ngọc	Giàu	1993		ThS	Kế toán	Đại học Thủ Dầu Một		Chương trình Kế toán	Khoa Kinh tế	Giảng viên	93,00		93,00	Trúng tuyển	
46	049	Nguyễn Thị Hải	Linh		1994	ThS	Kế toán	Đại học Thủ Dầu Một	Con TB hạng 4	Chương trình Kế toán	Khoa Kinh tế	Giảng viên	85,00	5,00	90,00	Trúng tuyển	
47	050	Nguyễn Trần Thủy	Tiên		1992	ThS	Kế toán	Đại học Charles Sturt		Chương trình Kế toán	Khoa Kinh tế	Giảng viên	85,00		85,00	Trúng tuyển	
48	051	Nguyễn Thị Diệu	Hiên		1990	ThS	Kế toán	Đại học Thủ Dầu Một		Chương trình Kế toán	Khoa Kinh tế	Giảng viên	43,00		43,00	Không	
49	052	Nguyễn Thị	Hồng		1987	ThS	Kế toán	Đại học Lạc Hồng		Chương trình Kế toán	Khoa Kinh tế	Giảng viên	40,50		40,50	Không	
50	055	Trần Phan Thanh	Hằng		1995	ThS	Quản trị học Quốc tế	Đại học miền tây nước Anh Bristol		Chương trình Quản lý công nghiệp	Khoa Kinh tế	Giảng viên	86,50		86,50	Trúng tuyển	
51	054	Phạm Thị Minh	Hạnh		1985	ThS	Chuỗi Cung ứng	ĐH Paris 1 Pantheon - sorbonne		Chương trình Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Khoa Kinh tế	Giảng viên	80,50		80,50	Trúng tuyển	
52	080	Trần Cẩm	Thi		1983	TS	Địa lý	Cộng đồng các trường Đại học Grenoble Alpes. (Pháp)		Chương trình Du lịch	Khoa KHXH&NV	Giảng viên	90,00		90,00	Trúng tuyển	
53	079	Phạm Thanh	Sang	1994		ThS	Phát triển bền vững, Đa dạng sinh học và quy hoạch các vùng lãnh thổ	Đại học Paris - Saclay, Pháp		Chương trình Du lịch	Khoa KHXH&NV	Giảng viên	86,30		86,30	Trúng tuyển	
54	078	Nguyễn Thị	Hương		1984	ThS	Du lịch	Đại học KHXH& NV Hà Nội		Chương trình Du lịch	Khoa KHXH&NV	Giảng viên	64,00		64,00	Trúng tuyển	
55	081	Nguyễn Xuân	Quý		1993	ThS	Quản trị du lịch và khách sạn	Đại học Bournemouth Anh Quốc		Chương trình Du lịch	Khoa KHXH&NV	Giảng viên	0,00		0,00	Không	vắng
56	082	Lê Gia Minh	Thành	1990		ThS	Lịch sử thế giới	Đại học Khoa học - Đại học Huế		Chương trình Quốc tế học	Khoa KHXH&NV	Giảng viên	47,60		47,60	Không	
57	058	Huỳnh Minh	Quân	1991		ThS	Luật	Đại học Luật Tp.HCM		Chương trình Luật	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	79,00		79,00	Trúng tuyển	
58	059	Lê Thị	Minh		1986	TS	Luật kinh tế	Đại học kinh tế - Luật Tp.HCM		Chương trình Luật	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	69,00		69,00	Trúng tuyển	
59	056	Trần Huy	Sen	1978		ThS	Luật hiến pháp và luật hành chính	Học viện Khoa học Xã hội		Chương trình Luật	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	44,00		44,00	Không	
60	061	Phạm Thị Quỳnh	Trang		1979	ThS	Luật kinh tế	Đại học Trà Vinh		Chương trình Luật	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	44,00		44,00	Không	
61	060	Nguyễn Thanh	Hương		1982	ThS	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh		Chương trình Luật	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	43,50		43,50	Không	
62	062	Dương Văn	Vũ	1976		ThS	Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự	Đại học Luật Tp.HCM		Chương trình Luật	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	43,50		43,50	Không	
63	057	Hoàng Đức	Thuận	1979		ThS	Luật kinh tế	Đại học kinh tế Tp.HCM		Chương trình Luật	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	0,00		0,00	Không	Vắng

S T T	S B D	Họ Tên		Năm sinh		Trình độ đào tạo	Chuyên môn nghiệp vụ		Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (ĐPV+ ĐUT)	Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ		Chuyên môn được đào tạo	Trường đào tạo									
64	063	Dương Đình	Thảo	1987		ThS	Quản lý hành chính công	Học viện Hành chính Quốc gia		Chương trình Quản lý Nhà nước	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	79,00		79,00	Trúng tuyển	
65	068	Lê Văn	Gấm	1990		ThS	Chính sách công	Học viện Khoa học Xã hội		Chương trình Quản lý Nhà nước	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	74,00		74,00	Trúng tuyển	
66	064	Nguyễn Trường	Son	1991		ThS	Quản lý công	Học viện Hành chính Quốc gia		Chương trình Quản lý Nhà nước	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	69,00		69,00	Trúng tuyển	
67	065	Võ Thị Cẩm	Tú		1989	ThS	Quản lý công	Học viện Hành chính Quốc gia		Chương trình Quản lý Nhà nước	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	69,00		69,00	Trúng tuyển	
68	067	Ngô Thị Ngọc	Uyên		1988	ThS	Quản lý công	Học viện Hành chính Quốc gia		Chương trình Quản lý Nhà nước	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	41,00		41,00	Không	
69	066	Lê Văn	Hòa	1990		ThS	Chính sách công	Học viện Khoa học Xã hội		Chương trình Quản lý Nhà nước	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	38,50		38,50	Không	
70	070	Nguyễn Hiền	Thân	1987		ThS	Quản lý môi trường	Viện Môi trường và Tài nguyên ĐH Quốc Gia TP.HCM		Chương trình Khoa học môi trường	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	80,00		80,00	Trúng tuyển	
71	069	Hoàng Sỹ Minh	Tuấn	1980		TS	Kỹ thuật năng lượng hóa lượng tử	Đại học Khoa học công nghệ (UST), Hàn Quốc		Chương trình Khoa học môi trường	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	69,50		69,50	Trúng tuyển	
72	071	Lê Thị Thu	Thủy		1991	ThS	Khoa học môi trường	Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. HCM		Chương trình Khoa học môi trường	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	44,00		44,00	Không	
73	074	Nguyễn Hồng	Lanh		1989	ThS	Quản lý đất đai	Đại học Nông Lâm Tp.HCM		Chương trình Quản lý tài nguyên môi trường và đất đai	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	80,00		80,00	Trúng tuyển	
74	072	Nguyễn Thị	Loan		1990	ThS	Quản lý tài nguyên và môi trường	Viện Môi trường và tài nguyên Đại học Quốc gia Tp.HCM		Chương trình Quản lý tài nguyên môi trường và đất đai	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	80,00		80,00	Trúng tuyển	
75	073	Võ Thị Ngọc	Đệp		1993	ThS	Quản lý tài nguyên và môi trường	Viện Tài nguyên và Môi trường		Chương trình Quản lý tài nguyên môi trường và đất đai	Khoa Khoa học quản lý	Giảng viên	0,00		0,00	Không	Vắng
76	024	Đinh Thị Hồng	Thắm		1983	TS	Quản lý giáo dục	Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội		Chương trình QLGD	Khoa sư phạm	Giảng viên	83,30		83,30	Trúng tuyển	
77	075	Nguyễn Đình Như	Hà	1988		ThS	Ngôn ngữ Anh	Đại học Công nghệ Tp.HCM		Chương trình Ngôn ngữ Anh	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	82,30		82,30	Trúng tuyển	
78	077	Phạm Nguyễn Nhật	Minh		1989	ThS	Mậu dịch quốc tế	Đại học Dân tộc Trung ương		Chương trình Ngôn ngữ Trung Quốc	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	58,00		58,00	Trúng tuyển	
79	076	Tsú Và	Bình		1988	ThS	Hán ngữ Quốc tế	Đại học Dân tộc Trung ương Trung Quốc		Chương trình Ngôn ngữ Trung Quốc	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	0,00		0,00	Không	Vắng
80	023	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp		1982	ThS	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	Đại học mỹ thuật Tp.HCM		Chương trình Thiết kế đồ họa - Mỹ thuật	Khoa Mỹ thuật - Âm nhạc	Giảng viên	89,00		89,00	Trúng tuyển	
81	021	Lê Trần	Châu		1986	ThS	Mỹ thuật tạo hình	Đại học mỹ thuật Tp.HCM		Chương trình Thiết kế đồ họa - Mỹ thuật	Khoa Mỹ thuật - Âm nhạc	Giảng viên	82,50		82,50	Trúng tuyển	
82	022	Hoàng Văn	Cử	1980		ThS	Mỹ thuật tạo hình	Đại học mỹ thuật Tp.HCM		Chương trình Thiết kế đồ họa - Mỹ thuật	Khoa Mỹ thuật - Âm nhạc	Giảng viên	82,00		82,00	Trúng tuyển	